

SƠ KHẢO ẢNH HƯỞNG CỦA *KINH PHÁP HOA* TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ NGỌC*

Tóm tắt: *Diệu pháp liên hoa kinh* gọi tắt là *Kinh Pháp hoa*, đặt theo cách dịch từ Phạn sang Hán của ngài Cưu Ma La Thập. Từ khi hiện hữu tại Việt Nam, bản *Kinh* không chỉ là căn cứ cho sự ra đời của hệ thống sớ, giải, tiết yếu; mà còn là nền tảng tư tưởng tạo nên các tác phẩm, thơ văn Phật giáo xuyên suốt các triều đại và trở thành bản *Kinh* thiêng. *Kinh* vẫn được khắc in nhiều lần, hoằng truyền rộng rãi, thậm chí được trích máu chép *Kinh*, đốt thân cúng dàng. Tất cả những yếu tố ấy đã biến *Kinh Pháp hoa* trở thành một phần của đời sống văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: *Kinh Pháp hoa*, Phật giáo Việt Nam, văn hóa Việt Nam

Abstract: *Sutra on the White Lotus of the True Dharma* is called the *Lotus Sutra* for short, named after Kumarajiva's translation from Sanskrit to Chinese. Since its existence in Vietnam, the Sutra has not only been the basis for the birth of the system of commentaries, explanations, and summary, but also the ideological foundation that created Buddhist works and poems throughout the dynasties and became a sacred Sutra. The Sutra has been engraved and printed many times, widely circulated, even copied with blood and burned as offerings. All of these factors have turned the *Lotus Sutra* into a part of Vietnamese Buddhist cultural life.

Keywords: Lotus Sutra, Vietnamese Buddhist, Vietnamese cultural

Lời dẫn

Đất nước ta trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc (từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X), trong khoảng thời gian này, “những người Giao Châu (tên gọi vùng đất của Việt Nam thời bấy giờ), nhất là những người có hiểu biết thì chủ động tiếp nhận chữ Hán và Nho học của Trung Hoa để tự lập tự cường, tăng thêm sức mạnh và tri thức nhằm lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc”¹. Tuy nhiên, trong thời kỳ này còn có một nhân tố quan trọng góp phần phá vỡ công cuộc đồng hóa hoàn toàn của người Hán, đó là Phật giáo. “Phật giáo là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng ở Việt

Nam. Theo ý kiến của các nhà khoa học thì Phật giáo vào Việt Nam từ những năm trước hoặc đầu công nguyên và xưa hơn thời điểm Phật giáo vào miền Nam Trung Hoa khá nhiều. Sau này, từ thế kỷ I đến thế kỷ thứ X, Phật giáo phát triển mạnh mẽ ở vùng văn minh sông Hồng, những trung tâm Phật giáo như Luy Lâu (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh) hình thành”² ... và Phật giáo trở thành hệ tư tưởng chính trị quan trọng, có sự ảnh hưởng sâu rộng tới đời sống văn hóa ở Việt Nam.

* Pháp danh Thích Minh Trí, NCS., Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong suốt chiều dài lịch sử, Phật giáo đã đồng hành cùng từng bước thăng trầm của dân tộc, có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, trở thành một thành tố văn hóa, bản sắc của dân tộc. “Nói đến Phật giáo là nói đến những di sản vật thể, phi vật thể tạo nên bề dày, chiều sâu văn hóa - văn hiến, là nói đến những giá trị tâm linh và xã hội, góp phần hình thành bộ đỡ tinh thần, nguồn lực cho một sự phát triển hài hòa, bền vững của đất nước”³.

Trong hệ thống những di sản gắn liền với Phật giáo thì di sản Hán Nôm Phật giáo chiếm khối lượng đồ sộ trong toàn bộ di sản Hán Nôm. Những văn bản Hán Nôm này, không chỉ ghi chép những dấu tích, sự hiện diện sinh động của Phật giáo trong quá khứ mà còn nêu lên quá trình tiếp nhận, tu tập và hành trì của hành giả Phật giáo thông qua hệ thống kinh sách truyền bá vào nước ta.

Tại Việt Nam, *Pháp hoa kinh* 法華經 (*Kinh Pháp hoa*) là một trong những bản kinh được dịch rất sớm, từ những năm 258 với bản *Pháp hoa tam muội kinh* 法華三昧經⁴ và cũng là bản kinh được trung dẫn sớm nhất trong lịch sử văn học và Phật giáo Việt Nam qua lá thư của Đạo Cao 道高 gửi cho Lý Miểu 李淼 vào khoảng năm 450 bàn về sự có mặt của đức Phật tại Linh Sơn⁵ như sau: “Cho nên *Kinh Pháp hoa* nói rằng: “Lúc bấy giờ đức Phật cùng chúng Tăng đều ra khỏi núi Linh Thứu”⁶. Trong trích đoạn trên có 2 cụm từ là *Kinh Pháp hoa* và núi Linh Thứu”, đây đều là những thuật ngữ để nói lên sự có mặt của *Kinh Pháp hoa* trong việc nghiên cứu của tầng lớp tri thức xã hội đương thời, đồng thời

nói lên tiếng nói *Kinh Pháp hoa* không chỉ có mặt sớm mà còn có tầm ảnh hưởng ngay từ thuở đầu và sâu rộng trong đời sống văn hóa nói chung mà cụ thể riêng biệt là văn hóa Phật giáo Việt Nam.

1. Giới thiệu về *Kinh Pháp hoa*

Kinh Pháp hoa theo Phạm bản là “Saddhar - mapundrika - sutra phiên âm là *Tát Đạt Ma Phần Đà Lị Ca Tu Đa La* 薩達磨芬陀利修多羅. Hán dịch phổ thông có 2 cách: đời nhà Tấn dịch là *Chính pháp hoa kinh* 正法華經; đời Diêu Tần 姚秦, ngài Cưu Ma La Thập 鳩摩羅什 dịch là *Diệu pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經. Ngoài ra đề mục *Kinh* còn được gọi là *Vô lượng nghĩa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm* 無量義教菩薩法佛所護念 còn gọi là *Diệu pháp hoa kinh* 妙法華經, gọi tắt là *Pháp hoa kinh* hay *Pháp hoa* và gọi theo cách giải âm chữ Nôm là *Kinh Pháp hoa*.

Kinh Pháp hoa là một trong những bản kinh quan trọng, có vị thế cao trong hệ thống kinh điển đại thừa Phật giáo. Theo truyền thuyết, bản kinh này được đức Phật thuyết tại núi Kỳ Xà Quật 耆闍崛山 (Hán dịch là Thử sơn 鷲山, Thử lĩnh 鷲嶺, Linh sơn 靈山) phía đông bắc thành Vương Xá 王舍, thủ phủ nước Ma Kiệt Đà 摩竭陀國 (trung Ấn Độ). Đức Phật thuyết *Kinh Pháp hoa* tại đây trong 2 không gian là Hư không và núi Linh Thứu với ba hội thuyết pháp là: Linh sơn hội (2 lần) và Hư không hội (1 lần) nên thường gọi là *nhị xứ tam hội* 二處三會.

Kinh Pháp hoa được tôn xưng là ngôi vua trong các bộ kinh (*Chúng kinh chi vương* 眾經之王), vì vậy những giáo nghĩa và tư tưởng mà *Pháp hoa* chuyển tải thực không có ngôn từ hay ngòi bút nào có thể

ghi chép hết, tùy theo phương vực, quốc độ và căn cơ chúng sinh mà tiếp nhận, lĩnh hội được nội dung và sự vi diệu của *Kinh*. Ví như các loài cây cỏ thuốc tùy theo tính lớn nhỏ mà đều được thấm nhuần từ một trận mây mưa lớn, *Diệu pháp liên hoa* đối với tất cả mọi người, mọi loài trên các quốc độ cũng vậy. Ngôn từ trong nội dung *Kinh văn* đã tự nói lên bản nguyện ra đời của chư Phật là: “Khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến” và để “khai, thị, ngộ, nhập” chúng sinh đức Phật đã quảng khai phương tiện môn trong 28 phẩm *Kinh Pháp hoa* với các nội dung chính là: “1. Tuyên bố hết thảy chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật, dù chúng sinh đó phạm vào các tội cực ác, nhưng Phật tính cũng không mất, hễ có điều kiện thì họ cũng sẽ thành Phật như thường; 2. Tuyên bố pháp Nhất thừa là con đường duy nhất để thành tựu Phật quả và chư Phật xuất thế là chỉ mục đích này, ngoài mục đích này không có mục đích nào khác; 3. Tuyên bố pháp Tam thừa là phương tiện cho bước đầu giáo hóa. Phật thừa mới là chủ đích hoằng pháp của Phật”⁷.

Trải qua các thời kỳ, có nhiều hành giả, học giả nghiên cứu về *Pháp hoa*, nội dung *Kinh văn* tùy theo đó mà cũng được phân chia thành 2 phần hoặc 3 phần khác nhau. Thiên thai Trí Giả đại sư 天台智者大師 - người khai sáng tông Thiên Thai, lấy *Kinh Pháp hoa* làm yếu chỉ tu hành và hoằng hóa đã chia *Kinh văn* thành 2 phần là Bản môn và Tích môn. Tuy đều là pháp môn dẫn dắt chúng sinh ngộ, nhập trí tuệ Phật nhưng mỗi môn lại có một đặc sắc riêng: Tích môn nói về chân lý: “Nhị thừa thành Phật” (Thanh văn, Duyên giác đều được thành Phật). Bản môn nói về chân lý “Cửu

viễn thành Phật” (đức Thích Ca thực là vị Phật đã thành từ ở những vi trần kiếp xa xưa). Tích môn bàn về lý tưởng “Y tín thành Phật” (nuông nơi lòng tin mà thành Phật) và Bản môn nói về lý tưởng “trì kinh thành Phật” (chuyên trì kinh pháp mà được thành Phật).

Trong mười bốn phẩm đầu *Kinh Pháp hoa*, phẩm thứ 2, *Phương tiện* là phẩm cốt yếu của “Tích Môn *Pháp hoa*”. Phẩm này bàn về lý “khai tam thừa” (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát) để quy về “Nhất thừa” (Nhất Phật thừa). Đặc biệt bài trường hàng ở đầu phẩm này nói về “Thập như thị” để biểu hiện phần triết lý thường trụ của vạn pháp, gọi là “chư pháp thực tướng”. Mười bốn phẩm cuối trong *Kinh Pháp hoa* thuộc “Bản môn *Pháp hoa*”. Phẩm thứ 16, *Như Lai thọ lượng* là phẩm cốt yếu của Bản môn, đồng thời là phẩm tâm can của toàn bộ *Kinh Pháp hoa*, phẩm này bàn về lý lẽ đức Thích Ca, ngài đã thành Phật từ ở những vi trần kiếp xa xưa”⁸.

Tại Ấn Độ xưa đã có nhiều bậc triết gia nghiên cứu chú thích về *Kinh Pháp hoa*, điển hình có ngài Long Thọ 龍樹 trong bộ *Đại trí độ luận* 大智度論 có dẫn chứng *Kinh Pháp hoa*. Tương truyền ngài còn trước tác *Pháp hoa thích luận* 法華釋論. Sau khi Phật diệt độ 900 năm có ngài Thế Thân 世親 lược dịch 2 cuốn *Diệu pháp liên hoa kinh ưu ba đề xá* 妙法蓮華經優波提舍 và *Pháp hoa luận* 法華論 - là bộ *Luận thích* tối cổ của Ấn Độ còn tồn tại.

Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa và các nước khác, *Kinh Pháp hoa* cũng theo làn sóng ấy mà thịnh thế tại các đất nước này với nhiều bản dịch và được dịch

từ rất sớm. Có thông tin cho rằng vào năm 300 Tây lịch, tức khoảng 10 năm sau Trúc Pháp Hộ 竹竺法護 dịch *Chánh pháp hoa kinh*, đã có một bộ luận về *Pháp hoa* do một tác giả tên Trúc Pháp Tông biên soạn. Nhưng hầu hết các học giả đương đại đều thống nhất cho rằng việc nghiên cứu *Pháp hoa* chỉ thật sự bắt đầu sau khi Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch *Diệu pháp liên hoa kinh* vào năm 406. Bản dịch này đã khởi đầu cho hệ thống các tác phẩm chú giải, sớ giải, chú thích, yếu nghĩa.... về *Kinh Pháp hoa*. Đặc biệt là sự ra đời của Thiên Thai tông cùng với chủ trương lấy *Kinh Pháp hoa* làm y cứ tu hành của Trí Giả Đại sư (537-596) - Người đã xiển dương mạnh mẽ tư tưởng *Pháp hoa*, trước tác thuyết giảng ra bộ *Pháp hoa tam đại bộ* 法華三大部 và xây dựng tông phong Thiên Thai vững mạnh, có tầm ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa và các nước lân cận trong suốt chiều dài lịch sử.

Cũng như Trung Hoa, tại Nhật Bản *Kinh Pháp hoa* được chú trọng đưa vào nghiên cứu, phiên dịch và hành trì. Đỉnh cao của *Pháp hoa* tại Nhật Bản là Nhật Liên đại sư 日蓮 (Nichiren 1222-1282) một hành giả *Pháp hoa* đã lập nên tông Nhật Liên với mục tiêu cứu khổ chúng sinh đời mạt pháp thông qua yếu chỉ là “Tam đại bí pháp”; thực hiện bằng phương pháp trì niệm danh hiệu đề kinh: *Nam mô Diệu pháp liên hoa kinh* và quán sát đồ hình Mandala đề *Kinh Pháp hoa*, phát nguyện trì niệm trọn đời. Chủ trương của Tông này lấy 07 chữ đề *Kinh* chính là toàn thể *Kinh Pháp hoa*.

Tại Việt Nam, *Kinh Pháp hoa* cũng là một bộ kinh được dịch từ rất sớm tại Trung

tâm Phật giáo Luy Lâu. Tuy *Kinh Pháp hoa* không trở thành một tông phái riêng, cũng không nhiều tác phẩm chú sớ, yếu giải đồ sộ được sáng tác, nhưng tư tưởng *Pháp hoa* có sức ảnh hưởng to lớn trong nền tảng nghiên cứu Phật học, trước tác các tác phẩm Hán Nôm về *Kinh Pháp hoa*; đi vào trong văn thơ, minh văn, bi ký rồi hiện thân trên hệ thống mộc bản trong quá trình khắc ván, in *Kinh* xuyên suốt các triều đại và trải dài khắp ba miền đất nước. Bản *Kinh* gắn liền với sự nghiệp tu hành của tăng ni Phật tử và tín đồ Phật giáo, đồng thời còn ảnh hưởng tới niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng thờ cúng, công cuộc hoằng truyền giáo pháp cũng như trên các lĩnh vực khác của Phật giáo Việt Nam nói riêng và nền học thuật, văn hóa nước nhà nói chung. Những ảnh hưởng đó được điểm xuyết theo chiều dài lịch sử trên các lĩnh vực văn hóa Phật giáo.

2. Ảnh hưởng của *Kinh Pháp hoa* trong đời sống văn hóa Phật giáo

2.1. *Kinh Pháp hoa* trong các kinh sách, tác phẩm Hán Nôm Phật giáo

Từ rất sớm *Kinh Pháp hoa* đã được nghiên cứu và áp dụng trong đời sống tu hành của tăng ni Phật tử Việt Nam, đã có nhiều tác phẩm nghiên cứu Phật học được ghi bằng chữ Hán, chữ Nôm ra đời từ nền tảng *Kinh Pháp* để rồi ngày nay trở thành di sản Hán Nôm Phật giáo mang nhiều giá trị.

Tác phẩm xuất hiện sớm về *Kinh Pháp hoa* tại Việt Nam phải kể đến *Pháp hoa tam muội kinh* được Chi Cương Lương Tiếp 支疆梁接 dịch từ Sanskrit sang Hán ngữ vào khoảng những năm 258, tuy văn bản này không còn nhưng đây được coi là tác phẩm dịch *Kinh Pháp hoa* đầu tiên tại Việt Nam.

Triều đại nhà Trần, Đế nhị tổ sư của Thiền phái Trúc Lâm - Pháp Loa thiền sư (1284 - 1330) đã viết tác phẩm *Pháp hoa khoa sớ* 法華科疏 để dạy cho tăng ni Phật tử thời bấy giờ. Tác phẩm này hiện nay cũng không còn, nhưng đã đánh dấu mốc quan trọng trong nền học thuật Phật giáo, là vị Thiền sư người Việt đầu tiên biên soạn chú sớ *Pháp hoa*, cũng là bản khoa sớ về *Pháp hoa* đầu tiên, duy nhất tại Việt Nam được ghi nhận trong lịch sử cho đến hiện tại.

Đến thời Lê, Thiền sư Minh Châu Hương Hải 明珠香海禪師 (1628 - 1715) đã y cứ trên bản *Diệu pháp liên hoa kinh* bản dịch của Cưu Ma La Thập để giải âm (dịch nghĩa) chữ Nôm phần *Kinh văn* và tham khảo bản *Diệu pháp liên hoa kinh giải* làm phần yếu giải cho bộ sách *Diệu pháp liên hoa kinh yếu giải hoa ngôn*, còn tồn tại đến ngày nay. Đây là một tác phẩm đồ sộ nhất của một tác gia Thiền sư người Việt Nam sáng tác, sử dụng song hành cả chữ Hán và chữ Nôm. Phần dịch nghĩa *Kinh văn* được ghi bằng chữ Nôm; phần chú giải, giải thích nghĩa lý *Kinh văn* được ghi bằng chữ Nôm, chữ Hán, chữ Hán và chữ Nôm đan xen.

Nghiên cứu về *Kinh Pháp hoa* trong triều Gia Long (1802 - 1819) có Tỷ kheo Thanh Đàm 淸曇比丘 hiệu Giác Đạo Minh Chính thiền sư 覺道明正禪師, đã soạn tập: *Diệu pháp liên hoa kinh tông chỉ đề cương* 妙法蓮華經宗旨提綱, gọi tắt là *Pháp hoa đề cương*; trên nền tảng *Kinh Pháp hoa*, từ giáo nghĩa, nghĩa lý và sự tu tập *Kinh Pháp hoa* mà Thiền sư đã soạn ra bộ đề cương về *Kinh Pháp hoa*, đây là văn bản duy nhất

được ghi bằng chữ Hán của tác gia người Việt Nam giảng giải, tóm lược nghĩa lý *Kinh Pháp hoa*.

Hòa thượng Phúc Điền (1784 - 1863) một bậc danh Tăng đã diễn âm, giải Nôm rất nhiều tác phẩm, kinh điển Phật giáo. Trong *Đạo giáo nguyên lưu* (1840 - 1847) Hòa thượng Phúc Điền có ghi về *Kinh Pháp hoa* như sau: “*Kinh Pháp hoa* chỉ viết: Hơn ba quyển đầu là vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp, *Kinh Đại thừa* tên là *Diệu pháp liên hoa* nên gọi là Pháp; hơn ba quyển sau là pháp dạy cho hàng Bồ tát được chư Phật hộ niệm nên gọi là Sư/法華經旨: 前三卷半經是諸聲聞說大乘經名妙法蓮華故曰法後三卷半經是教菩薩法佛所護念故曰師”⁹. Theo quan điểm của chúng tôi thì chữ *chỉ* 旨 ở đây là từ viết tắt cho cuốn *Diệu pháp liên hoa kinh tông chỉ đề cương* 妙法蓮華經宗旨提綱; bởi vì *Kinh Pháp hoa đề cương* ra đời vào triều Gia Long thứ 18 (1819) so với thời điểm ra đời của *Đạo giáo nguyên lưu* (1845) là trước 24 năm. Từ đây có thể đưa ra giả định, có thể khi đó ở khu vực phía Bắc, bản *Kinh Pháp hoa đề cương* đã được phổ rộng cho các chùa và chư tăng ni có nghiên cứu bản *Đề cương* này. Vì vậy, tiếp thu giáo lý, trích dẫn về *Pháp hoa* vào tác phẩm của mình, nhắc về *Pháp hoa đề cương* là điều tất yếu. Hơn nữa, về mặt danh đề văn bản, chưa thấy có tác phẩm *Pháp hoa* nào có chữ *chỉ* trong đề *Kinh*.

Cũng trong *Đạo giáo nguyên lưu* có ghi: “*Pháp hoa yếu giải* viết: Bộ *Kinh Pháp hoa*, (đại sư) Thiên Thai làm ra *Huyền nghĩa*, *Văn cú* rộng mà rõ ràng; (đại sư) ở Ôn Lăng soạn ra *Yếu giải* tinh mà ước,

Thiên Thai thì hơn mà Ôn Lăng cũng không thể xem nhẹ. Vì sao? Có người cho rằng: (Muốn tìm hiểu *Pháp hoa*) trước nên đọc *Yếu giải*, sau mới nghiên cứu *Huyền nghĩa*, *Văn cú*. Sự hơn kém của các bộ ấy cách nhau. Xét kỹ mà nói (bộ *Pháp hoa*) của Ôn Lăng không thể xem nhẹ. Vì sao? [bản của] Ôn Lăng sinh sau bản của Thiên Thai, các sách *Huyền nghĩa*, *Văn cú* đều nên xem kỹ, những sách này chi tiết mà rõ ràng, lần lượt lại đầy đủ, không thể không biết (những bộ sách này) /法華要解: 法華一經, 天台為之玄義, 文句大為詳; 溫陵為之要解, 精而約, 天台尚矣, 溫陵不可輕也. 何者? 或曰: 先閱要解後參之玄義, 文句, 其勝劣相去, 甚遠而云溫陵不可輕也. 何者? 夫溫陵生天台後, 玄義, 文句等書皆所不覽, 其銖銖而分, 縷縷而辨, 非不知之”¹⁰. Ở một trang khác, *Đạo giáo nguyên lưu* ghi: “*Kinh Pháp hoa* có 3 tên gọi: Ngài Trúc Pháp Hộ ban đầu phiên là *Chính pháp hoa*; kể đến ngài Cưu Ma La Thập phiên là *Diệu pháp liên hoa*; về sau ngài Xà Na Cấp Đa cũng phiên là *Diệu pháp*, *Kinh Pháp hoa* tổng cộng có 07 quyển, 28 phẩm, tổng có sáu vạn chín nghìn bốn trăm ba mươi chín chữ (6.9439)/法華三名: 法華經有三名, 竺法護初翻名正法華; 鳩摩羅什次翻名妙法蓮華; 闍那笈多後翻同名妙法. 七卷共二十八品, 計字六萬九千四百三十九字”¹¹.

Như vậy, Hòa thượng Phúc Điền đã liệt ra 4 tên của bộ *Pháp hoa* là *Pháp hoa đề cương*, *Pháp hoa yếu giải*, *Pháp hoa huyền nghĩa* và *Pháp hoa văn cú*; điều này cho thấy các bộ này là những bộ sách chú giải về *Pháp hoa* được sử dụng phổ thông trong giới nghiên cứu Phật học nói chung và *Pháp hoa* nói riêng ở nước ta vào thời

bấy giờ. Hơn nữa còn nhắc đến lịch sử phiên dịch *Kinh Pháp hoa* với các tên gọi khác nhau trải qua các thời kỳ. Từ đó có thể nói: Hòa thượng Phúc Điền có cái nhìn tổng quan về *Kinh Pháp hoa* cũng như về vị thế ảnh hưởng tới các tác phẩm khác trong hệ thống kinh sách Hán Nôm Phật giáo.

Kinh Pháp hoa không chỉ được trưng dẫn, làm nền tảng của các nghiên cứu, ra đời của các bộ sách khác mà *Pháp hoa* còn được tiết yếu, tóm lược để đáp ứng nhu cầu ôn tập, học hiểu nghĩa lý, nội dung *Kinh*. Vì vậy, tác phẩm theo thể tiết yếu về *Pháp hoa* đã ra đời. *Diệu pháp liên hoa tiết yếu giải âm* còn gọi là *Pháp hoa Quốc ngữ kinh* của Thiền sư Pháp Liên Diệc Ngu được viết vào triều Tự Đức. Toàn bộ nội dung 28 phẩm *Kinh Pháp hoa* được tiết gọn trong 3214 câu thơ (tính riêng phần giải âm Nôm) gói gọn trong một văn bản, được trình bày thành 2 phần rõ ràng, phần trên là ghi lại tiết yếu giải thích *Kinh Pháp hoa* được ghi bằng chữ Hán, phần dưới là tóm lược toàn bộ nghĩa lý *Kinh văn* theo thể lục bát, song thất lục bát, dịch nghĩa được ghi bằng chữ Nôm. *Pháp hoa Quốc ngữ kinh* không phải đơn thuần là bản dịch *Diệu pháp liên hoa kinh* ra âm tiếng Việt được ghi bằng chữ Nôm, mà nó vừa là một bản giải thích, vừa là một bản dịch, tóm tắt *Kinh văn*.

Như vậy, *Kinh Pháp hoa* từ khi có mặt tại Việt Nam đã được chú vị Tổ sư nghiên cứu, áp dụng trong việc tu học, nghiên cứu, trở thành nền tảng để biên soạn ra những tác phẩm về *Kinh Pháp hoa* và kinh điển Phật giáo khác, xuyên suốt các thời kỳ và trong mối tương quan của “tam giáo tịnh hành”.

2.2. Ảnh hưởng của kinh Pháp hoa trong thơ văn, bi minh Phật giáo

- *Kinh Pháp hoa* trong thơ văn Phật giáo

Trong các lĩnh vực văn học, thơ phú của Phật giáo đều thấy chứa đựng tinh thần, trích dẫn về *Kinh Pháp hoa* phong phú. Những người đầu tiên đem nội dung tư tưởng *Pháp hoa* ra trưng dẫn cho luận điểm của mình là Đạo Ca 道高 khi ông viết thư trả lời cho Lý Miếu 李森 bàn về những vấn đề giáo lý nhà Phật. Trong trưng dẫn đó bàn về sự có mặt của đức Phật tại Linh Sơn như đã nói ở trên.

Nếu như tư tưởng *Kim cương*, *Bát nhã*, công án Thiền được ưa chuộng trở thành điển hình của các nghiên cứu Phật học, của vấn đáp Phật pháp trong thời đại Lý - Trần thì *Pháp hoa* cũng có vị thế không kém khi được đưa vào trong văn bia và các tác phẩm, thơ thiền của vua quan thời Lý - Trần cũng như chư vị Tổ sư.

Trong *Tham đồ hiển quyết* của Thiền sư Viên Chiếu (999 - 1091) đời Lý, ghi về nhân vật của *Pháp hoa* là Long Nữ trong câu: *Long Nữ dâng châu thành quả Phật, Đàn na bố thí phúc ra sao*/ 龍女獻珠成佛果, 檀那捨施福如何¹².

Bài kệ *Thị tịch* của Thiền sư Ngô Ấn (1020 - 1088) đã nhắc tới hình ảnh hoa sen trong lò lửa, lò lửa ở đây là chỉ cho cõi thế gian này, mà trong *Kinh Pháp hoa*, phẩm thứ 3, *Thí dụ* có ghi: “Ba cõi không yên, giống như nhà lửa/ 三界無安猶如火宅”, hay: Như Lai đã lìa, nhà lửa tam giới / 如來已離三界火宅¹³. Như vậy, *Kinh Pháp hoa* đưa ví dụ ba cõi hay nói cách khác là cõi thế gian mà các loài chúng sinh đang cư ngụ này nó như ngôi nhà lửa, đầy rẫy những

khổ đau, từ ngôi nhà lửa này mà Thiền sư Ngô Ấn đã viết: “Trên núi viên ngọc bị thiêu đốt mà màu sắc vẫn tươi thắm. Trong lò lửa hoa sen vẫn chưa hề bị khô héo/ 玉焚山上色常潤, 蓮發爐中濕未樨¹⁴.

Qua những bài thơ văn trên cho thấy, vào triều Lý, tuy chưa tìm thấy một tác phẩm nào được trước tác riêng nghiên cứu *Kinh Pháp hoa* nhưng trong các bài thơ thiền, kệ thị tịch lại chứa đựng tư tưởng, ngôn ngữ *Pháp hoa* một cách rõ nét. Có thể nói rằng: lúc bấy giờ *Kinh Pháp hoa* đã được phổ rộng và có sức ảnh hưởng tại Đại Việt.

Hình ảnh của “nhà lửa” không chỉ ở thơ kệ thời Lý mà sang thời Trần, trong bản *Phổ khuyến phát Bồ đề tâm* của Trần Thái Tông¹⁵ có ghi: “Sông ái nổi trôi bao giờ hết, Đốt thiêu nhà lửa ngày nào xong/ 愛河出沒幾時休, 火宅憂煎何日了¹⁶. Trong khải bạch buổi sáng ông lại ghi: “Bị nhà lửa mãi hoài thiêu đốt, Bị sông yêu muôn thuở nhận chìm/ 長為火宅烹煎溺, 永被愛河沒溺¹⁷. Tiếp tục trong văn bạch buổi chiều ông viết: “Vùng kiếm tuệ nơi rừng tà, thổi gió từ nơi nhà lửa/ 揮慧劍於邪林, 曳慈風於火宅¹⁸. Tư tưởng Nhất thừa của *Pháp hoa* cũng được Trần Thái Tông đưa vào trong *Phổ khuyến phát Bồ đề tâm* như sau: “Muốn vượt vòng luân hồi lục đạo, con đường tắt, chỉ có Nhất thừa/ 欲超六道之周流/ 唯有一乘之寔徑¹⁹. Từ những căn cứ trên có thể nói Trần Thái Tông đã thấm nhuần tư tưởng *Pháp hoa*, ông đã nghiên cứu học hỏi, thâm nhập Phật học đặc biệt là đối với *Pháp hoa* nên trong tác phẩm của mình mới có nhiều dẫn chứng về thí dụ nhà lửa, quan điểm về Nhất Phật thừa trong *Phổ khuyến phát Bồ đề tâm*.

Thêm một minh chứng về sức sống của *Pháp hoa* ở tư tưởng của Trần Thái Tông trong phần ngữ lục vấn đáp, khi đáp lời Tăng sĩ Đức Thành về việc Thế Tôn có đạt đạo không rằng: “Mưa xuân không cao thấp, cảnh xuân có ngắn dài”²⁰. Mưa ở đây là chỉ cho ảnh dụ một trận mây mưa lớn, cảnh xuân được sánh ví với các loại cây cỏ thuộc trong ví dụ *nhất vũ tam thảo* 一雨三草 trong phẩm thứ 5, *Dược thảo dụ*.

Thí dụ nhà lửa là thí dụ đầu tiên trong “cửu dụ” của *Pháp hoa* lại một lần nữa xuất hiện trong bài thơ đề tặng tổ sư Huyền Quang của đức vua Trần Minh Tông: “Nhìn lại trong nhà lửa của ta. Bởi do có nhân duyên đời trước/ 顧我火宅中/蓋是有夙緣”²¹.

Các ảnh dụ, nhân vật trong *Pháp hoa* không chỉ để trưng dẫn, mà còn được mượn làm chất liệu so sánh. Trần Minh Tông mượn đại nguyện của đức Phật Uy Âm Vương trong phẩm thứ 20, *Thường Bất kinh Bồ tát* qua câu thơ: “Kế thừa pháp nhị Tổ, cuối cùng trước Uy Âm/ 繼承法二祖後, 究竟威音前”²² đề ca ngợi về Đệ tam tổ Huyền Quang.

Điểm qua một số tác phẩm của các vị vua, thiền sư Phật giáo thời Trần cho thấy văn phong sáng tác thơ văn thời đại này ảnh hưởng rất nhiều từ nghĩa lý, ví dụ trong *Kinh Pháp hoa*. Cùng với sự ra đời của *Pháp hoa khoa* số do đệ nhị tổ Pháp Loa sáng tác càng khẳng định *Pháp hoa* là bộ kinh có sức ảnh hưởng nhất định vào thời đại Phật giáo thời Trần cũng như các triều đại sau này của nước ta.

- *Pháp hoa* trong khoa cử, khảo thí

Thiền uyển tập anh, trong phần ghi về Thiền sư Từ Đạo Hạnh (? - 1117) có viết: 24

“Sau đó ứng thi điện thí Tăng quan đồ khoa Bạch liên” điểm cần nhắc đến ở đây là “khoa Bạch Liên”, Lê Mạnh Thát tác giả cuốn *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh* chưa tìm được đây là khoa thi gì. Mai Thị Thơm trong *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý - Trần* cho rằng: “Đây có lẽ là khoa thi chuyên môn về *Kinh Pháp hoa* dưới thời Lý Nhân Tông”²³; tác giả dựa trên nội dung của *Thiên phúc tự hồng chung minh văn* để chứng minh nhận định trên: “Khi tập tụng *Liên kinh*, tiếng ngọc vang sang sáng; đêm yên tĩnh tụng niệm *Liên kinh*, trời vội vợi vang đưa tiếng trống”. *Liên kinh* chính là *Kinh Diệu pháp liên hoa* hay còn gọi *Kinh Pháp hoa*”²⁴.

Cũng trong *Thiền uyển tập anh*, có viết: “Thiền sư Thiền Nham (1093 - 1163) ở chùa Trí Quả làng Cổ châu, Long biên. Người Cổ Châu, họ Khương, tên Thông. Dòng dõi Tăng quan, mặt mày sáng sủa, tán tụng trong hay. Thường tập môn tông tri Đà La Ni, xây lưng mà đọc, không sót một chữ. Trong khoảng Hội Phong (1092 - 1100), Sư ứng thí *Kinh Pháp hoa* và *Bát nhã* tại điện vua, đều trúng Giáp khoa.

Từ các dữ liệu lịch sử trên cho thấy *Kinh Pháp hoa* không chỉ ảnh hưởng đến tư tưởng của các thiền sư mà còn được đưa vào vận dụng trong các kỳ thi, dẫn rằng chưa xác định được đó là kỳ thi khảo hạch tăng ni, hay là những kỳ thi dành cho cả tăng lẫn tục. Dù mang ý nghĩa nào thì điều đó cũng cho thấy *Kinh Pháp hoa* có sức lan tỏa rộng lớn và dường như đã đi vào trong văn chương, khoa cử.

- *Kinh Pháp hoa* trong các bài bi minh Phật giáo thời Lý - Trần

Văn bia *Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi* 保寧崇福寺碑 thời Lý có ghi: “Đức Phật tổ trí tuệ thấu suốt, không sót vật chi. Dấu thực phô quyền, tỏ rõ đạo thường lạc ngã tịnh...”²⁵. Văn bia *Thiệu Long tự bi* 紹隆寺碑 thời Trần có ghi: “Cho nên đức Đại Hùng ta định ở vô tướng không tịch, xót chúng sinh luân hồi, dẫn sinh ở Vương cung, tu hành ở núi Tuyết, trông mầm lành ở đất tâm, gieo giống khác ở ruộng tình, ẩn thực hiển quyền, tùy duyên tiếp vật”²⁶.

Các thuật ngữ “dấu thực hiển quyền” và “ẩn thực hiển quyền” đều được triển khai từ tư tưởng “khai quyền hiển thực”, vì muốn độ chúng hữu tình nên đức Phật đã “Phương tiện thuyết” cho bước đầu giáo hóa để dẫn dắt chúng sinh tin hiểu, thụ trì rồi sau đó mới dần dần đưa về nhất Phật thừa, chính là thực tướng của các pháp. Những tư tưởng này trong phẩm thứ 3, *Thí Dụ* trong *Kinh Pháp hoa* có ghi: “Nhu Lai cũng lại như thế, không có hư dối, ban đầu nói ba thừa để dẫn đạo chúng sinh, rồi sau chỉ dùng pháp Đại thừa mà độ thoát cho/如來亦復如是，無有虛妄，初說三乘引導衆生，然後但以大乘而度脫之”²⁷. Nội dung thí dụ hỏa trạch đã nêu rõ, ban đầu trường giả đem xe dê, xe hươu mà dẫn dụ các con, nhưng sau cùng cho đều xe trâu trắng lớn. Đức Phật cũng vậy:

“Vì chúng nói ba thừa

Khiến cho chúng sinh

Rõ ba gốc khổ ...

Ta vì chúng sinh

Dùng món thí dụ này

Để nói một Phật thừa”²⁸.

Tư tưởng *hội tam quy nhất* 會三歸一 trong *Kinh Pháp hoa* tiếp tục được nhắc

đến trong văn bia chùa Minh Tịnh: “Uốn lưỡi bát biện mà che kín cõi Đại thiên, gom giáo điển ba thừa mà cắt nơi biển giác/陽八辨之舌掩大千，集三承而牢籠覺海²⁹. Đầu tiên là hình ảnh uốn lưỡi mà che cả cõi đại thiên, hình tượng tương lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới được xuất hiện nhiều trong các kinh điển Phật giáo, mà điển hình nhất là *Kinh A Di Đà* “Xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới thuyết thành thực ngôn...”³⁰. Nhưng về thứ 2 nói tới *tam thừa* 三承; chủ trương mở ra Ba thừa để làm phương tiện độ chúng sinh, rồi sau chỉ thẳng nhất Phật thừa xuất hiện trong *Kinh văn*, phẩm thứ 2, *Phương tiện* ghi: “Đức Phật dùng sức phương tiện, đem pháp Tam thừa mà giáo hóa chúng sinh/佛以方便力，示以三乘教，衆生處處著，引之令得出”³¹; lại viết: “Ta có sức phương tiện, chỉ bày pháp Tam thừa/我有方便力，開示三乘法”³²; hay “Ta nay đặc đạo quả, cũng nên nói Tam thừa,... vì các loài chúng sinh mà phân biệt nói Tam thừa/我今所得道，亦應說三乘... 為諸衆生類分別說三乘”³³. Những trích dẫn này nói lên rằng, trong phẩm *Phương tiện* của *Kinh Pháp hoa* nhắc lại nhiều lần về pháp “Tam thừa” nên điều đó dễ được ghi nhớ và đưa vào trong các bài nghiên cứu hay văn bia của tiền nhân cũng như ảnh hưởng tới tư tưởng của những nhà tri thức mến mộ Phật giáo đương thời.

Bài văn bia *Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện - Diên Linh tháp bi* 大越國李家第四帝崇善延齡塔碑 ở chùa Long Đọi (nay thuộc xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam), nhắc đến thí dụ chàng cùng tử quên ngọc minh châu trong chèo

áo của *Pháp hoa*: “Quên mất châu báu ở trong ché áo mà không tự biết / 衣中忘寶而不自知”, đó là nhắc tới nội dung thí dụ thứ 5 - *Hệ châu 繫珠*³⁴ trong chín dụ của phẩm thứ 6, *Thụ ký*, trong *Kinh diệu pháp liên hoa*.

Nội dung chứa đựng tinh thần *Pháp hoa* lần thứ hai được nhắc tới trên bia tháp này khi nói về phẩm *Hiện Bảo tháp*: “Chính giữa đặt tượng tốt đức Đa Bảo Như Lai, nguyện lực sâu dày, giữ trọn sắc thân, nghe kệ Sen giúp hiện uy linh, chia nửa tòa ngồi cho đức Thích Ca Văn/其中座多寶如來之端相也, 弘深願力, 寧泯全身, 聽蓮偈而必筵威靈, 興迦文而半瑤座”³⁵.

Những nhân vật, ví dụ và tư tưởng *Pháp hoa* vào thời Lý đã được sử dụng rộng rãi, biểu hiện cụ thể trong bài minh *Thiên Phúc tự hồng chung minh văn* 天福寺洪鐘銘文 thiền sư Huệ Hưng có ghi: “Bồ tát Dược Vương đốt cánh tay, chẳng phải thầy thì không ai chịu nổi/藥王燒臂非師而不奈苦誠”³⁶. Vì pháp mà đốt cánh tay là hình ảnh đặc trưng trong việc cúng dàng pháp được nhắc đến trong phẩm thứ 23, *Dược vương Bồ tát bản sự* trong *Kinh Pháp hoa*. Điều này cũng được chú tăng ni các thời đại từ xưa tới nay, đưa vào thực tiễn trong bản nguyện tu hành của mình hoặc dùng đó như một cách để bảo vệ sự tồn vong của Phật giáo.

Cũng trong minh chuông chùa Thiên Phúc thời Lý ghi rằng: “Quán Âm cứu nạn, không có thầy thì ai tiếp nối hạnh nguyện/觀音救難非師而不絕功名”³⁷, hình tượng Bồ tát Quán Thế Âm là vị Bồ tát nghe tiếng cầu cứu của chúng sinh mà ứng hiện cứu độ trong phẩm thứ 25, *Quán Thế Âm bồ tát phổ môn* trong *Kinh Pháp hoa*.

Cũng nhắc tới hình ảnh Bồ tát Quán Thế Âm trong *Kinh Pháp hoa*, văn bia *Đại Bi Diên Minh tự bi* 大悲延明寺碑 thời Trần, Sa môn Sùng Nhân ghi: “Bồ tát Đại Bi, thị hiện bao nhiêu loại thân hình, dùng ngàn tay ngàn mắt, thệ nguyện không quên cứu độ chúng sinh”³⁸ trong phẩm *Phổ môn*, *Kinh Pháp hoa* có nhắc tới những sự nhiệm mầu vi diệu của Bồ tát Quán Thế Âm qua 三十二應七難二求 với 32 ứng hóa thân, dẫu gặp bảy loại nạn thì ngài đều cứu vớt và hai điều mong cầu đều được đáp ứng.

Như vậy, trong bi, minh Phật giáo thời Lý - Trần đã có nhiều bản nhắc tới tư tưởng, tinh thần, nhân vật và ví dụ trong *Kinh Pháp hoa*. Tất cả những điều đó là minh chứng hiện thực, dấu ấn lịch sử từ hơn một ngàn năm trước giáo điển *Pháp hoa* được vận dụng rộng rãi trên các phương diện và là hệ tư tưởng được đề cao khi được đưa vào trong các bản văn quan trọng.

2.3. Tín ngưỡng Kinh Pháp hoa trong đời sống văn hóa Phật giáo

- Tư tưởng *Kinh Pháp hoa* trong đời sống tu tập Phật giáo

Trong *Kinh Pháp hoa* phẩm thứ 10, *Pháp sư* có ghi: “Phật bảo Dược Vương: Lại sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe *Kinh Diệu pháp liên hoa*, nhấn đến một bài kệ, một câu, một niệm tùy hỷ đó, ta cũng thụ ký cho đạo vô thượng chính đẳng chính giác cho. Lại có người thụ trì đọc tụng giải nói, biên chép *Kinh Diệu pháp liên hoa*, nhấn đến một bài kệ, đối kinh điển này cung kính xem như Phật...”³⁹. Từ những nội dung trên đã xây dựng thành công vị thế *Pháp hoa*, đưa *Pháp hoa* trở thành bộ kinh quan trọng trong đời sống văn hóa Phật giáo qua sự

thụ trì, đọc tụng, diễn giảng, lễ bái. Tôn kính *Kinh Pháp hoa* chính là đang gieo hạt giống *Pháp hoa* với trí tuệ và giải thoát giác ngộ ngay hiện đời, đồng thời là hạt nhân để đức Phật thụ ký thành Phật trong tương lai.

Kinh Pháp hoa được truyền bá rộng rãi tới các tầng lớp xã hội, mọi căn cơ chúng sinh, trước là trong nền tảng học thuật, nghiên cứu, đọc tụng, dần dần về sau này còn mang thêm ý nghĩa trên phương diện tín ngưỡng và giá trị tâm linh trong đời sống tu tập hành trì của tăng ni Phật tử Việt Nam.

Thời Lý có 2 Thiền sư là Bảo Tính họ Nghiêm, Minh Tâm họ Phạm cùng xuất gia từ thuở nhỏ là đôi bạn cùng chí hướng. Hai Thiền sư ở chùa Cẩm Ứng, Ba Sơn, phủ Thiên Đức, hằng ngày thường lấy việc trì tụng *Kinh Pháp hoa* làm phận sự, suốt 15 năm chưa từng trễ nải, mỗi lần tụng đến phẩm *Dược Vương* đều rơi nước mắt.... Tháng tư năm Thiên Thành thứ bảy (1034) hai thiền sư sắp tự thiêu thân cúng dàng thì được mời vào triều, mở hội giảng kinh, sau khi Pháp hội giảng kinh kết thúc đã dùng “hỏa quang tam muội” mà tự đốt thân cúng dàng, tự thành bảy báu, vua Lý Thái Tông cho giữ lại Xá Lợi ở chùa Trường Thánh và cho rằng đây là điềm lành nên cải nguyên là Thông Thụy⁴⁰.

Từ thời Lý, các thiền sư đã căn trì *Pháp hoa*, tu tập theo hạnh nguyện của chư Bồ tát trong *Pháp hoa*, hai Thiền sư đốt thân cúng dàng như vậy là học theo Bồ tát Dược vương với ý nghĩa trong tất cả các cách cúng dàng thì dùng thân để cúng dàng là tối thắng, là cách báo ân tốt nhất. Và điều đó trở thành sự linh nghiệm khi ngọn lửa tàn đi nhục thân của hai Thiền sư đã trở

thành tháp báu báu và sự tin tưởng về sự màu nhiệm của Pháp Hoa mà nhà vua đã cải nguyên hiệu của cả triều đại.

Thiền uyển tập anh khi viết về Quốc sư Thông Biện (? - 1134) có ghi: “Tuổi già, Sư dời đến ở chùa mình, mở pháp hội lớn, mưa con mưa pháp. Sư dạy người sửa mình, thường dùng đến *Pháp hoa kinh*, cho nên người bấy giờ gọi Sư là Ngộ Pháp Hoa”⁴¹. Một vị Quốc sư được phong làm Tăng Lục, được ban cà sa áo tía, nhưng Ngài vẫn lui về ở ẩn và đem giáo nghĩa *Pháp hoa* dạy người, và được người đời đem *Pháp hoa* mà gọi thay cho tên Ngài, điều đó cho thấy sự nghiêm mật hành trì và vị thế của Pháp hoa trong Phật giáo thời Lý cũng như trong tâm thức của tăng ni tín đồ Phật giáo thời đó.

Sách *Tam tổ thực lục* có chép về nhà sư Trí Thông đời vua Trần Nhân Tông như sau: “Khi vua Nhân Tông mới xuất gia ở chùa Siêu Loại có nhà sư Trí Thông đốt cánh tay từ bàn tay đến khuỷu tay, sắc mặt điềm nhiên không đổi/ 初仁宗出家時, 超類寺, 僧智通然臂自掌至入肘, 儼然無變容”⁴². Chi tiết này được ghi trong phần phụ, sau phần ghi chép về tổ đệ nhất Trần Nhân Tông, tuy rằng không nhắc đến tư tưởng, hay danh từ *Pháp hoa* nhưng sự kiện nhà sư Trí Thông đốt cánh tay này không khác hình ảnh Bồ tát Dược Vương trong *Kinh Pháp hoa* đã đốt cánh tay mình để cúng dàng, vì bản nguyện sâu dày mà cánh tay lại được hoàn như cũ. Như vậy, từ thời Trần, tinh thần Pháp hoa, những hạnh nguyện và nhân vật trong Pháp hoa đã ảnh hưởng tới lối tu, hạnh nguyện của chư vị Tổ sư thời Trần.

Thiền sư Pháp Chuyên, tự Luật Truyền, hiệu Diệu Nghiêm (1738 - 1798) là vị cao tăng đời thứ 36 Tông phái Lâm Tế, đời thứ 3 của chi phái Lâm Tế Chúc Thánh tại miền Trung Việt Nam; Ngài luôn đề tâm chú trọng đến việc sao chép các bộ kinh, luận và xem đó là thời khóa tu tập của mình. Ngài đã chuyên tâm sao chép các bộ kinh như: *Kinh Hoa nghiêm* 華嚴經, *Kinh Kim cương* 金剛經, *Hồng danh sám pháp* 洪名懺法, *Tam thiên kinh* 三千經... đặc biệt có viết một bộ *Kinh Pháp hoa* bằng chữ vàng, một bộ *Pháp hoa* viết bằng máu...⁴³ ban đêm Sư thiền quán, niệm Phật, tụng *Kinh Pháp hoa*, ban ngày thì sao chép xem *Kinh*, sư ưa thụ trì các bản *Kinh Pháp hoa*, *Kim Cương*.... Hiện nay, tại chùa Từ Quang tỉnh

Phú Yên còn lưu một bộ *Diệu pháp liên hoa kinh khoa chú*, trên trang sách còn nguyên nét chữ của Ngài. Khi nghiên cứu về *Pháp hoa*, đọc *Khoa chú*, Ngài đã viết những điểm cần lưu ý, diễn giảng vào phần *Thiên đầu* của sách, thậm chí chừa chữ nhỏ vào giữa những hàng chữ. Bút tích của thiền sư để lại, những chú giải, chú thích cho *Khoa chú* - phần *mi chú* còn hiện hữu là minh chứng xác thực cho thấy sự nghiêm cẩn, kính trọng và vị thế *Pháp hoa* trên các phương diện: Niềm tin văn bản nên dùng máu để chép *Kinh*, mạ chữ vàng; sự am hiểu, thâm nhập và y cứ vào *Pháp Hoa* trong tư tưởng, học thuật và tu tập của bản thân nên đã viết *mi chú*.



Hình ảnh văn bản *Pháp hoa khoa chú* có phần *mi chú*, bút tích của ngài Pháp Chuyên tại chùa Từ Quang (Đá Trắng - Phú Yên)⁴⁴
(Nguồn ảnh: tác giả chụp)

Thiền sư Tánh Thiên - Nhất Định (1784 - 1847) là tổ khai sơn chùa Từ Hiếu, thời vua Minh Mệnh được thỉnh làm Tăng Cang Linh Hựu quán và chùa Giác Hoàng ở Đại Nội, thời vua Thiệu Trị đã xin từ hết các chức vụ, trở về chùa thụ trì miên mật

Kinh Pháp hoa, được Trương An Công - Miên Bửu hoàng tử thứ 7 của vua Minh Mệnh vô cùng kính mến có làm bài thơ tặng: “Đêm tụng *Kinh Pháp hoa*. Chân tâm tính luyện đa. Không còn vi trần hoặc. Vách treo ánh đèn pha/夜誦法花經, 真心

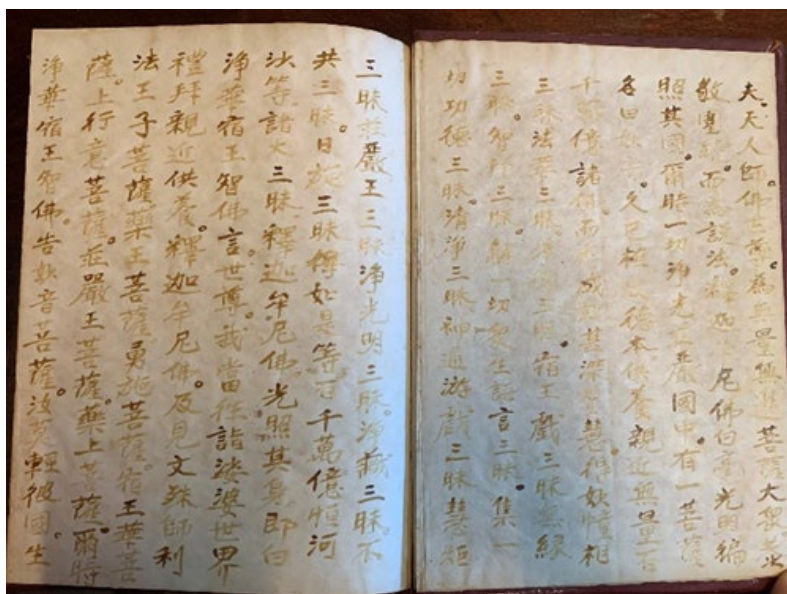
白煉精.房無片塵入,壁掛點登明”⁴⁵. Bài thơ của Hoàng tử Tương An Công tán thán công hạnh trì tụng *Pháp hoa* của tổ sư khai sơn chùa Từ Hiếu (Huế) đồng thời giới thiệu cho biết *Kinh Pháp hoa* không chỉ ảnh hưởng trong tầng lớp tăng sĩ bấy giờ mà còn ảnh hưởng đến niềm tin, sự kính ngưỡng và tư tưởng của giai tầng quý tộc và trí thức của xã hội đương thời.

Trải qua các triều đại từ Lý - Trần đến Lê - Nguyễn đều có ghi chép về sự linh nghiệm của việc đọc tụng hành trì *Kinh Pháp hoa* trong Phật giáo. Xuyên qua thời gian, cách đây 60 năm, trước thế cuộc khuynh nguy, Phật giáo trong lúc nghiêng ngả thì một Hòa thượng đã làm sáng thêm tấm gương sáng của chư vị Tổ sư, làm sống mãi hạnh nguyện của bậc Bồ tát theo tinh thần *Kinh Pháp hoa* - Hòa Thượng Thích Quảng Đức (1897 - 1963). Hòa Thượng được thế giới biết đến với sự kiện tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt (Sài Gòn) năm 1963. Trong cuộc đời 70 năm tu hành của mình, Hòa thượng đã trụ trì, xây dựng 31 ngôi chùa, nghiêm trì giới luật và chuyên tụng *Kinh Pháp hoa*, giai đoạn cuối Ngài trụ trì chùa Quán Thế Âm, trong khoảng mấy ngày trước khi thực hiện việc tự thiêu Ngài đã trì tụng trọn bộ *Kinh Pháp hoa* và sau đó dùng thân mình làm ngọn đuốc, gióng lên, nói lên tiếng nói của một bậc xuất trần thượng sĩ, để gửi lại những lời tâm huyết: “Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng từ bi bác ái mà đối xử với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo, để giữ vững nước nhà muôn thuở”⁴⁶.

Hòa thượng Thích Quảng Đức thực hành những hạnh nguyện của Bồ tát, mà chúng ta dễ dàng nhận thấy đó vẫn là hình ảnh Bồ tát trong *Kinh Pháp hoa*. Hòa thượng tự thiêu là: Đệ cúng dàng Phật pháp, để thành tựu lời thệ nguyện và để di thân lại trái tim bất diệt *đĩ thân vi đăng* 以身為燈 lấy thân làm đèn soi đường cho hậu thế⁴⁷. Sự kiện tự thiêu của Ngài đã gây chấn động toàn thể thế giới, một cái chết tự thiêu để cúng dàng cho Phật pháp, để tự dâng mình cho nhân loại và chân lý đại đồng.

Cùng thời kỳ này và kế tiếp tinh thần bất diệt ấy, tại miền Trung Trung Bộ dường như đã dấy lên phong trào trì tụng, viết chép, lễ bái *Pháp hoa*, thậm chí là trích huyết chép *Kinh* để hành trì, tu tập hoặc vì bản nguyện hoàng dương, giữ gìn Phật pháp.

Tại chùa Tam Thai, thành phố Đà Nẵng hiện còn lưu 02 văn bản *Kinh Pháp hoa* chép tay: 1 bản thể *Kinh* xếp do Hòa thượng Giác Tiên phụng tả trong ba tháng an cư tại chùa Mỹ Phước - Đà Nẵng, trong văn bản có ghi: 臨濟正宗第四十一世諱上如下記字解心号覺先。奉寫一部⁴⁸. Bên cạnh đó còn có 01 văn bản *Kinh Pháp hoa* chép tay được đóng thể phương sách. Cũng tại khu vực này tại chùa Viên Giác, Hội An, tỉnh Quảng Nam hiện lưu 2 văn bản *Kinh Pháp hoa* thể phương sách. Bản thứ nhất do thiền sư Chương Như, tự Tông Chí, hiệu Như Ý chép tại chùa Thiên Hưng tỉnh Phú Yên năm Tự Đức thứ 3 (1850) bằng mực son. Bản thứ 2 do Hòa thượng Tích Như Hiệp, Phó trụ trì chùa Bửu Đà, quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh đã trích máu chép *Kinh* vào năm 1973.



Kinh Pháp hoa chép bằng máu, lưu tại chùa Viên Giác - Hội An
(Nguồn ảnh: Tác giả chụp)

Nói tiếp tinh thần ấy, tuy không trích máu chép kinh nhưng Hòa thượng Thích Như Thọ (1930) chùa Long Thợ, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, năm 1983 đã chép 01 bản *Kinh Pháp hoa* đóng thể *Kinh* xếp một cách nghiêm cẩn và thành kính nhất, bằng cách lễ một lễ, niệm một niệm rồi viết 1 chữ trong 3 năm trường. Mô phỏng như sau: “Nhất tâm đỉnh lễ Nam mô Đại thừa Diệp pháp liên hoa kinh như (tùy cải) tự pháp bảo”⁴⁹, lễ xuống một lễ rồi biên chữ *như* vào giấy, tương tự cho đến hết hơn sáu vạn chữ của toàn bộ *Kinh Pháp hoa* 7 quyển, 28 phẩm. Hòa thượng hiện nay 95 tuổi vẫn tinh tường, minh mẫn, hằng ngày vẫn thời khóa, tĩnh tọa công phu, nghiêm trì Pháp bảo, giới luật.



Hòa thượng Thích Như Thọ hiện nay 95 tuổi
(Nguồn ảnh: Tác giả chụp)

- Tín ngưỡng thờ văn bản *Kinh Pháp hoa* trong các ngôi chùa

Kinh Pháp hoa không chỉ ảnh hưởng tới đời sống tu tập, hành trì, phương pháp

tu, sự chứng ngộ của tăng ni Phật tử, những người mến mộ Phật giáo mà những văn bản *Kinh Pháp hoa* được coi là những bản kinh thiêng, là đại diện cho toàn thể pháp bảo của Phật giáo, được phối thờ trên chính điện của các ngôi chùa, tự viện Phật giáo theo trình tự: Trên là Phật (tượng Phật), kế đến là Pháp (khám đặt 01 bộ *Kinh Pháp hoa*) dưới là Tăng; mootip này chung cho hầu hết các ngôi chùa, đặc biệt là tại các chốn tổ đình, cổ tự thì việc thờ *Kinh Pháp hoa* như là một phần không thể thiếu trên chính điện (ban Tam bảo).

Tổ đình Tường Vân (tỉnh Thừa Thiên Huế) thờ 02 bộ *Kinh Pháp hoa* (thể thức *Kinh xếp*) 1 bản bọc gấm vàng, là bản in từ ván khắc chùa Thiên Mụ, một bản *Kinh xếp* in bọc gấm đỏ, cả 2 đều được thờ trong khám tại chính điện. Ngoài ra, trong tàng kinh các của chùa, còn lưu trữ các bộ *Kinh Pháp hoa* như: *Diệu Pháp liên hoa kinh giải*; *Diệu pháp liên hoa kinh khoa chú* được khắc in năm canh Hưng thứ 23 (1762), tàng bản tại chùa Diên Phước - Gia Định, do ngài Tế Chơn Đạt Bồn khắc và viết tựa, có phương danh các đệ tử thiền phái Liễu Quán ở cuối sách. Đặc biệt tại đây còn lưu trữ nhiều bản *Kinh Pháp hoa* chép tay do các Tổ sư tiền nhiệm sao chép, trong đó có 2 bộ *Lịch triều Pháp hoa trì nghiệm ký* là bản chép của Đồng Thiện đạo nhân; Thiện Hạnh tổ sư.

Chùa Báo Quốc (tỉnh Thừa Thiên Huế): Có thờ 01 bộ *Pháp hoa* trên ban Tam bảo, đặc biệt ở đây có bộ *Diệu pháp liên hoa kinh thai tông hội nghĩa* 妙法蓮華經 綸貫會義, trong đó có phương danh Tổ sư Liễu Quán, Thiền sư Nguyên Thiều các chư tổ thuộc thiền phái Liễu Quán và các Phật tử cúng dàng ấn tống kinh sách.

Ngoài ra các ngôi cổ tự như Từ Hiếu, Phước Duyên, Thiên Hưng, các chốn Thiền môn như Phổ Quang, Hải Đức, Châu Lâm, Viên Quang và nhiều các ngôi chùa khác tại Huế; chùa Viên Giác, tổ đình Chúc Thánh tại Quảng Nam đều có thờ 01 cho đến nhiều bộ *Kinh Pháp Hoa* tại chính điện.

Nội dung *Kinh Pháp hoa* còn được đưa vào trong thiền phả truyền thừa của các đời tổ sư. Trong các bản *Chánh pháp nhãn tạng* 正法眼藏 ghi chép pháp danh truyền thừa của chư vị Tổ sư theo dòng phái, ngay phần đầu Thụ ký duyên khởi 授記緣起 đã trích và dẫn chứng nội dung trong phẩm *Thụ ký* của *Kinh Pháp hoa* như sau: *Phẩm Thụ ký* trong *Kinh Diệu pháp liên hoa* có nói rằng: “Bấy giờ các tôn giả Ca Diếp, A Nan liền suy nghĩ rằng: Chúng ta đều tự nghĩ rằng, nếu được Phật thụ ký cho há chẳng phải vui mừng lắm sao, [nên] đều bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con đây cũng muốn có phần, đức Như Lai là nơi nương tựa duy nhất của chúng con.../ 妙法蓮華經記品云: 爾時迦葉阿難等而作是念:我等每自思惟設得授記不亦快乎我?俱白佛言:世尊我等於此亦應有分唯有如來我等所歸”⁵⁰. Như vậy, từ nghi lễ hành trì hằng ngày, văn hóa thờ tự cho đến việc truyền thừa dòng phái đều có sự hiện hữu của *Kinh Pháp hoa*. Điều này càng khẳng định vị thế quan trọng của *Kinh Pháp hoa* trong đời sống văn hóa, tu tập của tăng ni tín đồ Phật giáo.

Ngày nay, *Kinh Pháp hoa* vẫn được đọc tụng thụ trì, có nhiều đạo tràng *Pháp hoa* khắp ba miền đất nước, người nổi bật chuyên trì tụng *Pháp hoa* và xiển dương nghĩa lý *Pháp hoa* là đức đệ tử Pháp chủ - Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quảng,

Người đã từng tốt nghiệp Tiến sĩ về đề tài *Kinh Pháp hoa*, cho đến hiện tại ngoài 80 tuổi, hằng ngày vẫn trì tụng và giảng giải *Kinh Pháp hoa* cho tăng ni Phật tử.

Kết luận

Kinh Pháp hoa được coi là bộ kinh thiêng, gắn liền với những tấm gương sáng xuất gia của chư tiên nhân, nếu Trung Hoa xưa còn cuống lười của ngài Cưu Ma La Thập để lại cho hậu thế như là một minh chứng về những gì ngài đã phiên dịch là chân xác mà trong đó có *Kinh Pháp hoa*, một bộ *Kinh* làm nền tảng cho các nghiên cứu khác về *Pháp hoa*; thì ở nước ta có “trái tim bất diệt” sau những bụi tro tàn từ thân tứ đại đã hỏa diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức như một sự kiện lịch sử về tinh thần bảo vệ Phật pháp, cũng là tô điểm rõ nét tư tưởng hạnh nguyện *Pháp hoa* ẩn chứa trong sự kiện tự thiêu của Người. *Kinh Pháp hoa* tới Việt Nam từ những năm đầu kỷ nguyên, được phiên dịch, trung dẫn và truyền bá mang sức ảnh hưởng cho tới bây giờ và chắc chắn là mãi muôn sau này giá trị của bộ *Kinh* cũng không hề thay đổi trong hệ tư tưởng, đời sống văn hóa xã hội nói chung và đời sống văn hóa Phật giáo nói riêng.

Phật giáo hơn hai ngàn năm gắn bó với dân tộc, thì *Pháp hoa* cũng mấy ngàn năm có mặt tại Việt Nam và có vị thế, tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tu tập, văn hóa Phật giáo nước nhà như lời Thái Hư Đại sư khẳng định về giá trị của *Pháp hoa kinh*: “Chưa thấy một bộ kinh nào được kính trọng như thế”⁵¹./.

N.T.N

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Trịnh Khắc Mạnh chủ biên (2016), *Di sản Hán Nôm trong đời sống văn hóa xã hội Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.139.

2. Trịnh Khắc Mạnh chủ biên (2016), *Di sản Hán Nôm trong đời sống văn hóa xã hội Việt Nam*, sđd, tr.140.

3. Viện Trần Nhân Tông (2023), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, không gian văn hóa Phật giáo Bắc Giang* (Tây Yên Tử), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.1

4. Lê Mạnh Thát (1982), *Pháp hoa Quốc ngữ kinh*, Tủ thư Phật học Vạn Hạnh, tr.13.

5. Lê Mạnh Thát (1982), *Pháp hoa Quốc ngữ kinh*, sđd, tr.9.

6. Lê Mạnh Thát (2023), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập 1 (tái bản có bổ sung), NXB. Đồng Nai, tr.404.

7. Thích Thái Hòa (2008), *Kinh Pháp hoa tinh yếu*, chùa Phước Duyên, TP. Huế, tr.89.

8. Thích Thanh Kiểm (1990), *Đại ý Kinh Pháp hoa*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.6-7.

9. *Đạo giáo nguyên lưu* 道教原流, A.2675, tr.33a.

10. *Đạo giáo nguyên lưu* 道教原流, sđd, tr.35b.

11. *Đạo giáo nguyên lưu* 道教原流, sđd, tr.42a.

12. Thích Thái Hòa (2008), *Kinh Pháp hoa tinh yếu*, chùa Phước Duyên, TP. Huế, tr.163.

13. *Điều pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經, 大南保大二 (1927), bản lưu tại chùa Đông Các, Hà Nội, tr. 86,87.

14. Thích Thái Hòa (2008), *Kinh Pháp hoa tinh yếu*, sđd, tr.164.

15. Hiện cũng có ý kiến cho rằng *Phổ khuyến phát Bồ đề tâm* không phải của Trần Thái Tông, trong khi chờ đợi ý kiến xác định của các nhà nghiên cứu, bài viết này tạm coi tác phẩm này là của Trần Thái Tông.

16. Thiệu Chửu diễn nghĩa (1961), *Thái tôn hoàng đế ngự chế Khóa hư kinh*, in tại nhà in Hưng Long, Sài Gòn, tr.31.

17. Thiệu Chửu diễn nghĩa (1961), *Thái tôn hoàng đế ngự chế Khóa hư kinh*, sđd, tr.37.

18. Thiệu Chửu diễn nghĩa (1961), *Thái tôn hoàng đế ngự chế Khóa hư kinh*, sđd, tr.51.

19. Thích Thái Hòa (2008), *Kinh Pháp hoa tinh yếu*, sđd, tr.167.

20. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.107.
21. Nguyễn Huệ Chi chủ biên (1988), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2 - quyển Thượng, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.810-812.
22. Nguyễn Huệ Chi chủ biên (1988), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2 - quyển Thượng, sđd, tr.810-812.
23. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.108.
24. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.108.
25. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.93, 94.
26. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.94.
27. *Diệu pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經, 大南保大二年 (1927), bản lưu tại chùa Đông Các, Hà Nội, tr.81.
28. Thích Trí Tịnh (1999), *Kinh Diệu pháp liên hoa*, sách ấn tống, tr.135.
29. Mai Thị Thơm, 2022, *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.95.
30. *Sám nguyện yếu giải tập* 懺願要解集 (2024), 大慈恩寺印經處 tr.175 (Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hà Nội phát hành).
31. *Diệu pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經, 大南保大二年 (1927), sđd, tr.38.
32. *Diệu pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經, 大南保大二年 (1927), sđd, tr.50.
33. *Diệu pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經, 大南保大二年 (1927), sđd, tr.5.
34. *Tam tổ thực lục* 三祖實錄, A.786, tr.137.
35. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.101.
36. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.103.
37. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.104.
38. Mai Thị Thơm (2022), *Văn hóa tư tưởng Phật giáo qua tư liệu văn bia Lý Trần*, sđd, tr.105.
39. Thích Trí Tịnh dịch, 2004, *Kinh Diệu pháp liên hoa*, sách ấn tống tr.281 -282.
40. Lê Mạnh Thát (2021), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh* (tái bản có bổ sung), NXB. Hồng Đức, tr.330.
41. Lê Mạnh Thát (2021), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh* (tái bản có bổ sung), sđd, tr.209.
42. *Tam tổ thực lục* 三祖實錄, A.786, tr.31.
43. Thích Đồng Dưỡng (2014), “Văn bản Từ Quang tự Sa môn Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm thiền sư nhân do sự tích chỉ”, *Tạp san Suối nguồn*, số 13, Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang.
44. Hình ảnh từ chuyển điền dã thực tế của tác giả.
45. Thích Thái Hòa, 2008, *Kinh Pháp hoa tinh yếu*, chùa Phước Duyên, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, tr.174.
46. Nguyễn Đăng Thục (1973), *Tư tưởng và con người Thích Quảng Đức*, Đặc san *Hoàng Pháp*, số 3, tr.35.
47. Nguyễn Đăng Thục (1973), *Giá trị của một cái chết: Thích Quảng Đức*, Đặc san *Hoàng Pháp*, số 2, Vu Lan 2517. (Thư viện Huệ Quang ấn ảnh, *Hoàng Pháp*, tái bản 2019).
48. *Diệu pháp liên hoa kinh* 妙法蓮華經, quyển 5 và 6, bản lưu tại chùa Tam Thai thành phố Đà Nẵng.
49. Trích nguyên lời thuật lại của Hòa thượng Như Thọ, nhân chứng sống trong việc biên chép, hành trì, lễ bái *Pháp Hoa kinh*
50. Các văn bản *Chánh pháp nhãn tạng*, tại triển lãm *Bảo Đạc Trường Minh* (2023), Phật giáo tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức.
51. HT. Thích Trí Quảng (1999), *Lược giải Kinh Pháp hoa*, NXB. Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.10.